

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
VIỆN CHĂN NUÔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-VCN-KHĐT&HTQT

Ngày 02/02/2023)

HÀ NỘI - 2023

ĐỀ ÁN

TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2023

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:

- Tên cơ sở đào tạo: Viện Chăn nuôi.

- Địa chỉ: Số 9 Tân Phong – Phường Thụy Phương – Quận Bắc Từ Liêm – Hà Nội.

- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://www.vcn.org.vn>

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành đào tạo, quy mô sinh viên, các kết quả nghiên cứu....)

1.2.1. Các ngành đào tạo:

+ Chăn nuôi (Mã số 9 62 01 05);

+ Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi (Mã số 9 62 01 07);

+ Di truyền và Chọn giống vật nuôi (Mã số 9 62 01 08).

1.2.2. Thời gian đào tạo: 3-4 năm

1.2.3. Điều kiện dự tuyển:

1.2.3. 1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành chăn nuôi, chăn nuôi thú y, thú y hoặc ngành phù hợp;

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đã công bố đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (*36 tháng*) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (*24 tháng*) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

1.2.3.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học hoặc thạc sĩ do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại bảng sau:

Danh mục một số chứng chỉ tiếng nước ngoài minh chứng cho trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Các chứng chỉ ngoại ngữ tại bảng trên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

1.2.3.3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

1.2.3.4. Người dự tuyển là các ứng viên trong diện Đề án 89 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với ngành đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cho cơ sở đào tạo.

1.2.4. Hồ sơ dự tuyển:

a) Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- Đơn xin dự tuyển.
- Lý lịch khoa học.
- Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực công chứng.
- Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển) và thâm niên công tác (nếu có).
- Đề cương dự kiến nghiên cứu (theo mẫu do cơ sở đào tạo quy định).
- Bài luận tổng quan về dự định nghiên cứu (theo mẫu do cơ sở đào tạo quy định).

- Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Các nội dung cụ thể của đề án

2.1. Đối tượng tuyển sinh:

Đối tượng tuyển sinh là những người có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành phù hợp.

2.2. Phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển trực tiếp hoặc xét tuyển trực tuyến online.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành: 03 - 05 chỉ tiêu.

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của Viện Chăn nuôi:

Viện Chăn nuôi có 20 đơn vị trực thuộc, gồm 01 Phân Viện, 3 phòng chức năng, 4 bộ môn nghiên cứu chuyên sâu, 2 phòng thí nghiệm và 10 trung tâm nghiên cứu chuyên con đóng trên địa bàn cả nước.

Viện Chăn nuôi có đội ngũ giáo viên gồm 44 giảng viên cơ hữu là các Phó giáo sư và Tiến sĩ, đội ngũ giảng viên được đào tạo bài bản có khả năng giảng dạy và nghiên cứu tốt.

Các lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu của Viện như sau:

a) Di truyền giống vật nuôi, nuôi giữ giống gốc; phát hiện, đánh giá, bảo tồn và phát triển nguồn gen vật nuôi và cây thức ăn chăn nuôi;

b) Công nghệ sinh học chăn nuôi, đa dạng sinh học và tin sinh học;

c) Sinh lý, sinh hóa, sinh sản, tập tính vật nuôi và bảo vệ sức khỏe động vật;

d) Dinh dưỡng, thức ăn chăn nuôi, đồng cỏ và cây thức ăn chăn nuôi;

đ) Kinh tế, hệ thống, môi trường chăn nuôi và ảnh hưởng của chăn nuôi tới biến đổi khí hậu;

e) Chuồng trại, kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng; chế biến, bảo quản an toàn vệ sinh thực phẩm chăn nuôi;

- Nghiên cứu đề xuất xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước về chăn nuôi. Tham gia nghiên cứu, đề xuất chính sách, định hướng phát triển phục vụ quản lý nhà nước của Bộ. Tham gia kiểm định, kiểm nghiệm giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào sản xuất theo quy định của pháp luật.

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về khoa học công nghệ trong lĩnh vực chăn nuôi.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Tổng số nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2022, Viện đã triển khai 166 nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp. Trong đó, nhiệm vụ cấp Nhà nước là 13 nhiệm vụ; 51 nhiệm vụ cấp Bộ. Viện đã triển khai thực hiện 33 nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của năm 2022 cho toàn khối Viện và 69 nhiệm vụ khoa học

và công nghệ hợp tác trong nước và 09 dự án hợp tác quốc tế. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN do Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý được cấp kịp thời nên đã tạo thuận lợi cho việc triển khai các đề tài, dự án đúng tiến độ.

Viện đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT duyệt đề xuất các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ bắt đầu triển khai năm 2023 (03 đề tài cấp Bộ trong đó 1 đề tài thú y về Ong), 02 dự án SXTN cấp Bộ, 03 đề tài tiềm năng, 02 nhiệm vụ phục tráng nguồn gen); cấp Nhà nước (03 nhiệm vụ khai thác phát triển nguồn gen).

Năm 2022 Viện Chăn nuôi có 13 TBKT về lĩnh vực chăn nuôi của Viện đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận.

Năm 2022 Viện Chăn nuôi vinh dự được chủ tịch nước trao tặng 01 giải thưởng Hồ Chí Minh cho cụm công trình ***Phát triển chăn nuôi thủy cầm ở Việt Nam***, TS. Nguyễn Văn trọng và 30 đồng tác giả; 02 giải thưởng Nhà nước cho cụm công trình ***Chọn tạo và phát triển các giống gà lông màu hướng thịt và hướng trứng giai đoạn 2006-2020***, TS. Phùng Đức Tiến và 19 đồng tác giả và cụm công trình ***Bảo tồn và khai thác nguồn gen vật nuôi bản địa Việt Nam của Viện Chăn nuôi giai đoạn 2000-2020***, TS. Phạm Công Thiệu và 14 đồng tác giả; Trung ương Hội Nông dân Việt Nam vinh danh cho 03 cá nhân được tặng giải thưởng Nhà khoa học của nhà nông lần thứ 4 (PGS TS. Ngô Thị Kim Cúc, TS. Tăng Xuân Lưu, TS. Lê Bá Quế) đã có nhiều công trình nghiên cứu ứng dụng hiệu quả, các quy trình kỹ thuật công nghệ được ứng dụng rộng rãi và mang lại hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất.

Năm 2022, các nhà khoa học của Viện đã có 08 bài báo khoa học quốc tế, 89 bài báo khoa học trong nước đăng trên các tạp chí chuyên ngành và 16 đầu sách chuyên khảo.

2.5. Tổ chức tuyển sinh:

Thời gian và số đợt tuyển sinh/năm: Một đến nhiều đợt.

2.6. Chính sách ưu tiên:

Thí sinh được ưu tiên xét tuyển thuộc một trong những đối tượng sau: Thương binh, con liệt sỹ, người có công với cách mạng, dân tộc ít người, người đang công tác tại miền núi, người nước ngoài. Người dự tuyển thuộc 1 trong các đối tượng ưu tiên trên được xét ưu tiên trong trường hợp các thí sinh bằng điểm nhau.

2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính:

a) Phí tuyển sinh: 200.000 đồng /hồ sơ.

b) Học phí: 15.000.000 đồng/NCS/năm.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)
Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	23	1.060
Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	300
Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	150
Phòng học từ 50 - 100 chỗ	1	100
Số phòng học dưới 50 chỗ	1	50

Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)
Số phòng học đa phương tiện	1	100
Phòng làm việc của phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	18	360
Thư viện, trung tâm học liệu	1	100
Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	16	1.600

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành hoặc chuyên ngành:

Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh

TT	Họ và tên	Chuyên ngành
1.	PGS.TS. Lê Thị Thanh Huyền	Chăn nuôi
2.	PGS.TS. Hồ Trung Thông	Chăn nuôi
3.	TS. Phạm Công Thiếu	Chăn nuôi
4.	TS. Nguyễn Công Định	Chăn nuôi
5.	TS. Phạm Văn Quyến	Chăn nuôi
6.	TS. Nguyễn Văn Phú	Chăn nuôi
7.	TS. Vũ Văn Quang	Chăn nuôi
8.	TS. Nguyễn Văn Duy	Chăn nuôi
9.	TS. Trương Anh Tuấn	Chăn nuôi
10.	TS. Hoàng Tuấn Thành	Chăn nuôi
11.	TS. Nguyễn Thi Hương	Chăn nuôi

TT	Họ và tên	Chuyên ngành
12.	TS. Vương Thị Lan Anh	Chăn nuôi
13.	TS. Phùng Thế Hải	Chăn nuôi
14.	TS. Lê Thúy Hằng	Chăn nuôi
15.	TS. Đào Bình An	Chăn nuôi
16.	TS. Trịnh Quang Tuyên	Thú y
17.	TS. Tăng Xuân Lưu	Thú y
18.	TS. Phùng Quang Trường	Thú y
19.	TS. Phan Lê Sơn	Sinh lý sinh sản
20.	PGS.TS. Đỗ Võ Anh Khoa	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
21.	PGS.TS. Ngô Thị Kim Cúc	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
22.	PGS.TS. Lê Thị Thúy	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
23.	PGS.TS. Trần Huê Viên	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
24.	TS. Nguyễn Quý Khiêm	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
25.	TS. Nguyễn Hữu Tĩnh	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
26.	TS. Phạm Văn Giới	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
27.	TS. Lê Bá Quế	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
28.	TS. Trịnh Hồng Sơn	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
29.	TS. Phạm Doãn Lân	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
30.	TS. Trần Ngọc Tiến	Di truyền và Chọn giống vật nuôi

TT	Họ và tên	Chuyên ngành
31.	TS. Trần Thị Minh Hoàng	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
32.	TS. Nguyễn Khánh Vân	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
33.	TS. Nguyễn Văn Ba	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
34.	PGS.TS. Chu Mạnh Thắng	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
35.	PGS.TS. Trần Thị Bích Ngọc	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
36.	PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy My	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
37.	TS. Nguyễn Văn Đại	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
38.	TS. Lê Văn Huyền	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
39.	TS. Nguyễn Văn Quang	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
40.	TS. Đỗ Thị Thanh Vân	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
41.	TS. Nguyễn Đức Chuyên	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
42.	TS. Ngô Đình Tân	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
43.	TS. Nguyễn Thành Trung	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
44.	TS. Nguyễn Việt Đôn	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
45.	TS. Đoàn Đức Vũ	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
46.	TS. Lê Văn Hùng	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi

3.3. Các dự án, đề tài nghiên cứu hợp tác quốc tế

Trong năm 2022, Viện đã triển khai đúng tiến độ và hiệu quả 09 dự án, đề tài HTQT. Trong đó, Viện chủ trì 01 dự án: Dự án ACIAR “Dự án thâm canh chăn

nuôi bò thịt trong hệ thống nông nghiệp tại vùng cao Tây Bắc Việt Nam” (ACIAR – LPS/2015/037

Viện phối hợp với các đối tác thực hiện 08 đề tài và dự án:

+ Tham gia thực hiện hợp phần II của dự án “Giảm sử dụng Colistin trong chăn nuôi lợn ở Việt Nam” giai đoạn 2021-2025, do Chính phủ Đan Mạch tài trợ thông qua Trung tâm Quốc tế về Giải pháp giảm thiểu kháng kháng sinh Đan Mạch (ICARS), Cục Thú y là chủ trì dự án.

+ Nhánh dự án ACIAR ”Lợi ích Di truyền Gà Châu Á (AsCGG): Nền tảng khảo sát, thử nghiệm và cung cấp những giống gà cải tiến nhằm cải thiện sinh kế ở Đông Nam Á” giai đoạn 2021-2024 tại Việt Nam của ILRI.

+ Dự án Safe Pork: “Các phương pháp tiếp cận dựa vào thị trường nhằm cải thiện mức độ an toàn của thịt lợn ở Việt Nam” theo hợp đồng hợp tác nghiên cứu giữa Viện Chăn nuôi Quốc tế (ILRI) và Viện Chăn nuôi.

+ Dự án One Health Poultry Hub: “Nghiên cứu chăn nuôi gia cầm bền vững theo cách tiếp cận một sức khỏe”.

+ Hợp tác với Đại học New England (Australia), Đại học Nông lâm Huế triển khai dự án phát triển chăn nuôi và thị trường dê sữa, dê thịt ở Lào và Việt Nam.

+ Nghiên cứu nâng cao chất lượng nguồn gen trong lĩnh vực thủy sản và vật nuôi thông qua hợp tác giữa Việt Nam và Hungary là dự án hợp tác theo nghị định thư Việt – Hungary.

+ Viện đã phối hợp với Trung tâm Tin học và Thống kê của Bộ NN&PTNT xúc tiến triển khai dự án “Thành lập trang trại thông minh và nâng cao chuỗi giá trị ngành hàng công nghiệp chăn nuôi lợn tại tỉnh Ninh Bình” (2022-2024). Dự án triển khai tại Trạm Nghiên cứu và Phát triển giống lợn hạt nhân Tam Điệp – Trung tâm Nghiên cứu lợn Thụy Phương – Viện Chăn nuôi.

+ Viện đã Xúc tiến triển khai dự án “Tăng cường năng lực kiểm kê phát thải KNK trong chăn nuôi” (dự án Newzealand tài trợ) bắt đầu thực hiện từ năm 2023.

Viện tiếp tục duy trì các hợp tác song phương, đa phương với các nước trên thế giới để cùng nghiên cứu, hợp tác, phát triển về lĩnh vực chăn nuôi, triển khai các dự án với các đối tác trong lĩnh vực chăn nuôi như Nhật Bản, Australia, Pháp, Hàn Quốc, Hungari, Lào ...

Ngoài ra, Viện tiếp tục tham gia hợp tác với các tổ chức quốc tế như CIRAD, ILRI, FAO và JICA (pha II)...để xúc tiến xây dựng các đề xuất, các chương trình hợp tác quốc tế.

3.4. Kiểm định chất lượng:

Định kỳ, Phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế phối hợp với đơn vị chuyên môn và thầy hướng dẫn tổ chức kiểm tra thực địa, đánh giá kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác:

Viện Chăn nuôi có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ tiến sĩ của ngành đăng ký đào tạo, cụ thể:

a) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu với trang thiết bị cần thiết để nghiên cứu sinh có thể triển khai thực hiện đề tài luận án; có chỗ làm việc cho người hướng dẫn và nghiên cứu sinh;

b) Có thư viện truyền thống với nguồn thông tin tư liệu đủ để nghiên cứu sinh tra cứu khi thực hiện đề tài luận án như sách, giáo trình, tạp chí khoa học trong và ngoài nước được cập nhật liên tục; có thư viện điện tử với bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu liên quan đến ngành đào tạo;

c) Có trang thông tin điện tử của Viện Chăn nuôi được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo, công khai danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu, các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, các chương trình hợp tác quốc tế liên quan đến ngành đăng ký đào tạo; danh sách nghiên cứu sinh trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng hàng năm theo các khóa học, ngành học (nếu có, trừ các ngành phải bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật); công khai danh mục đề tài nghiên cứu khoa học đang thực hiện (trong đó có thông tin về đào tạo nghiên cứu sinh trong khuôn khổ đề tài), những danh mục đề tài đề xuất tuyển nghiên cứu sinh; công khai mức thu học phí của Viện Chăn nuôi;

Các thông tin liên quan đến công tác đào tạo tiến sĩ của Viện được cập nhật thường xuyên trên website: <https://vcn.org.vn/dao-tao>.

d) Có tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi riêng của Viện Chăn nuôi. Viện Chăn nuôi được Bộ Thông tin và Truyền thông cho phép xuất bản các kết quả khoa học trên Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802) theo giấy phép xuất bản số 471/GP-BTTTT ngày 22-7-2021. Tạp chí nằm trong danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính 0,75 điểm (Quyết định 18/QĐ-HDGSNN ngày 30/6/2020). Hiện nay, tạp chí xuất bản định kỳ 06 số/năm.


VIỆN TRƯỞNG
Phạm Công Thiều